

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP K 41 NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Số TCTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
1	412701	Lê Thanh Hương	19/10/1998	Yên Bái	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.69	Khá	
2	412702	Phạm Ánh Vân	23/09/1998	Nghệ an	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.8	Khá	
3	412703	Đậu Nguyễn Nhi Yến	10/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.25	Giỏi	
4	412704	Nguyễn Thị Anh Phương	29/09/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.1	Khá	
5	412705	Đỗ Thị Duyên Em	27/01/1998	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	135	3.2	Giỏi	
6	412707	Nguyễn Thị Diệu Thùy	03/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.04	Khá	
7	412708	Trần Anh Tú	13/05/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.94	Khá	
8	412709	Trần Thị Huyền Trang	08/08/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.03	Khá	
9	412710	Trần Thị Phương Hà	21/10/1998	TP. Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.57	Khá	
10	412711	Chu Thị Phương Mai	28/01/1998	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.74	Khá	
11	412712	Bùi Thị Ngọc Hà	12/12/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.91	Khá	
12	412713	Phùng Minh Hiền	23/01/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.15	Khá	
13	412714	Nguyễn Thị Mỹ Linh	04/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.97	Khá	
14	412715	Nguyễn Thị Phương Lan	24/10/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.12	Khá	
15	412716	Ngô Phương Nga	29/10/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.16	Khá	
16	412717	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	29/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.9	Khá	

17	412719	Lưu Thị Thu	Giang	20/01/1998	Yên Phong	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.77	Khá	
18	412720	Nguyễn Thu	Hà	06/11/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.98	Khá	
19	412721	Lê Minh	Trang	08/06/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.38	Giỏi	
20	412722	Trịnh Phương	Thảo	18/04/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.45	Giỏi	
21	412723	Bùi Ánh	Dương	28/09/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.72	Khá	
22	412724	Hà Diệu	Linh	27/12/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.2	Giỏi	
23	412725	Phạm Thị Yến	Nhi	20/09/1998	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.9	Khá	
24	412726	Đỗ Bình	Minh	24/10/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.24	Giỏi	
25	412729	Lê Phương	Linh	01/11/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.68	Khá	
26	412730	Nguyễn Thanh	Nga	21/10/1998	Liên Bang Nga	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.81	Khá	
27	412731	Nguyễn Khánh	Ly	28/10/1998	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.01	Khá	
28	412732	Vũ Thị Băng	Tâm	02/12/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.25	Giỏi	
29	412733	Vũ Hoàng Linh	Chi	24/01/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.14	Khá	
30	412734	Nguyễn Thị Phương	Linh	05/05/1998	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.08	Khá	
31	412735	Hoàng Thùy	Linh	21/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.01	Khá	
32	412736	Cần Thị Hoàng	Oanh	#####	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3	Khá	
33	412737	Vũ Kim	Dung	04/11/1998	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.26	Giỏi	

34	412738	Nguyễn Thị Minh Huyền	31/12/199 7	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.91	Khá	
35	412739	Vũ Thảo Phương	02/11/199 8	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.94	Khá	
36	412740	Nguyễn Thị Diệu Linh	27/09/199 8	Hải Đương	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.83	Khá	
37	412741	Phạm Tùng Lâm	26/05/199 8	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.31	Giỏi	
38	412743	Cao Thị Tâm	17/02/199 8	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.72	Khá	
39	412744	Đặng Ngọc Linh	04/07/199 8	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	126	2.65	Khá	
40	412745	Hồ Thị Khánh Vân	23/09/199 8	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.13	Khá	
41	412747	Phạm Mai Hương	18/06/199 8	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.76	Khá	
42	412748	Ngô Vũ Sơn	13/10/199 8	Hải Phòng	Nam	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.81	Khá	
43	412749	Vũ Thị Lâm Oanh	11/07/199 8	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.96	Khá	
44	412750	Lã Minh Hiếu	07/08/199 8	Hưng Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.88	Khá	
45	412751	Vũ Thu Phương	04/12/199 8	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.83	Khá	
46	412752	Phạm Đức Vương	09/03/199 8	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.18	Khá	
47	412753	Nguyễn Ngọc Hải Yến	12/04/199 8	Liên bang Nga	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	3.01	Khá	
48	412754	Nguyễn Hạnh Như	17/12/199 8	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.93	Khá	
49	412755	Mạc Hải Anh	23/03/199 8	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	128	2.95	Khá	

50	412756	Nguyễn Thu Hà	23/01/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.17	Khá	
51	412757	Nguyễn Thị Hương Mai	24/05/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.79	Khá	
52	412758	Nguyễn Ngọc Anh	24/01/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.15	Khá	
53	412759	Dương Thiện Tùng	21/11/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.54	Khá	
54	412760	Nguyễn Yến Nhi	28/08/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật TMQT	2020	129	2.99	Khá	
55	412761	Vũ Khánh Minh	30/06/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.13	Khá	
56	412762	Nguyễn Nhi Phương	30/06/1997	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật TMQT	2020	129	3.33	Giỏi	

**TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Quang Huy